THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019- 2020 (Áp dụng từ 19-8-2019) -(SÁNG+CHIỀU)

Thứ	12A	12B	12C	12D	12E	12G	12H	12I	12K	12M	12N	12P	12Q	12S	12T	12V	11A1	11A2	11A3	11A4	11A5	11A6	11A7	11B1	11B2	11C1	11C2	11D1	11D2	11E.1	11E.2	11G1	11G2	11G3	11H	10A1	10A2	10A3	10A4	10A5	10A6	10A7
	P202	P203	P204	P205	P206	P207	P208	P209	P210	P212	P213	P214	P216	P217	P218	P303	P304	P305	P306	P307	P308	P309	P312	P313	P314	P316	P317	P318	P403	P404	P405	P406	P407	P408	P409	P202	P203	P204	P205	P206	P207	P208
	Anh	Anh	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Anh	Anh	Anh	Anh	Nhật	P-Đ-Tr	Đức	Nga	Trung	Hàn	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	H-Nh	Ng-Nh	Pháp	Pháp	Pháp	Nhật	Nhật	Trung	Trung	Đức	Đức	Đức	Hàn	Anh7	Anh8	Anh9	Anh10	Anh11	Anh12	Anh13	Anh14
	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh
S2	Anh	Toán	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Anh	Anh	Văn	Lý	Nhật	Pháp	Đức	Nga	Trung	Hàn	Địa	Văn	Văn	Văn	Sinh	Văn	Hóa	Toán	Văn	Văn	Toán	Lý	Toán	Văn	Văn	Hóa	Toán	Sinh	Tin	Sử	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh
	Anh	Toán	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Anh	Anh	Văn	Lý	Nhật	Đức	Đức	Nga	Trung	Hàn	Sinh	Văn	Toán	Văn	Sử	Văn	Toán	Toán	Văn	Văn	Văn	Toán	Toán	Văn	Toán	Sinh	Hóa	Văn	Tin	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh
	Anh	Toán	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Anh	Anh	Toán	Hóa	Nhật	Trung	Đức	Nga	Trung	Hàn	Văn	Địa	Toán	Toán	Văn	Văn	Toán	Sinh	Toán	Sử	Văn	Toán	Toán	Lý	Sinh	Lý	Tin	Văn	Hóa	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh
	Lý	Văn		Sinh	Địa	Lý	Văn		Toán		Toán	Toán	Hóa	Toán	Văn		Văn			Toán	Văn				Văn		Sinh	Toán	Văn		Toán	Tin	Hóa	Sử									
PHT	110			112	114	416	201	211			219	214	416	311		315																				410	411	412	413	414	418	419	319
PHT					111	417							417																							Anh1	Anh2	Anh3	Anh4	Anh5	Anh 6		PHT
	Toán	Văn	Hóa	Toán	Toán	Văn	Sinh	GDCD	Anh	Toán	Văn	Toán	Lý	Địa	Sinh	GDCD	Lý	Toán	Văn	ToánTA	Toán	Sử	Văn	Lý	Hóa	Địa	Lý	Tin	Văn	Sử	Văn	Văn	Văn	Hóa	GDCD	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		416
	Toán	Văn	Sử	Toán	Toán	Văn	Hóa	Hóa	Anh	Toán	Văn	Hóa	Địa	Lý	Lý	Sinh	Tin	Toán	Sinh	Lý	Toán	Lý	Văn	Văn	Địa	Hóa	Toán	Sử	Văn	Toán	Lý	Văn	Văn	GDCD	Văn	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		112
S3	Toán	Anh	Văn	Toán	Toán	Sinh	GDCD	Lý	Anh	Toán	Lý	Lý	Sinh	Văn	GDCD	Hóa	Sử	Văn	Lý	Hóa	Văn	ToánTA	Hóa	Văn	Tin	Toán	Toán	Hóa	Sử	Văn	Lý	Toán	GDCD	Văn	Văn	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		417
	Văn	Anh	Lý	Lý	Văn	Hóa	Văn	Toán	Hóa	GDCD	Toán	Sinh	GDCD	Toán	Toán	Toán		Văn	Lý		Toán	Sinh	Sử	Tin	Lý	Toán	Văn		Hóa	Toán		Văn	Sử	Văn		Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		112
	Văn	Anh	Sinh		Văn		Văn	Hóa	Hóa	Địa	Toán	GDCD	Hóa	Toán	Toán	Toán			Sử			Hóa	Lý	Văn				Sinh								410	411	412	413	414	418		
PHT		110							111																																	319	
PHT																																										311	
	Anh	Văn	Hóa	Sử	Sử	Toán	Lý	Anh	Anh	Văn	Sinh	Lý	Văn	Hóa	Địa	Sinh	Hóa	Hóa	Toán	Văn	GDCD	Địa	Toán	Lý	Toán	Toán	Địa	Văn	Tin	Văn	Văn	Toán	Lý	Văn	Toán							Đức	Nhật	Pháp	Hàn	Pháp	Nhật	Ngọc	Đức	Hàn
	Anh	Lý	Địa	GDCD	Địa	Toán	Sinh	Anh	Anh	Văn	Lý	Văn	Sinh	Lý	Văn	Hóa	Hóa	Lý	Toán	Văn	Tin	Văn	Toán	Sử	Toán	Toán	Lý	Văn	Địa	Văn	Hóa	GDCD	Toán	Hóa	Toán							Nga	Đức	Trung	Trung	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Hàn
S4	Anh	Hóa	Lý	Lý	Sinh	Toán	Địa	Anh	Anh	Địa	Văn	Văn	Toán	Sử	Hóa	Văn	Toán	Tin	Toán	Sử	Toán	Văn	Toán	Văn	Sinh	Lý	Hóa	Hóa	Lý	GDCD	Địa	Toán	Văn	Lý	Văn							Đức	Đức	Pháp	Hàn	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Hàn
	Toán	Sử	Toán	Văn	Sinh	Lý	Địa	Văn	Văn	Hóa	Văn	Sử	Toán	GDCD	Hóa	Văn	Toán	Toán		Sinh	Toán	Lý	GDCD	Văn		Văn	Toán	GDCD	Lý	Hóa	Toán	Văn	Sử	Sinh	Lý	Hóa							Nga	Nhật	Trung	Trung	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Hàn
		Địa	Toán	Sinh	Lý	GDCD	Sử	Văn	Văn			Hóa	Toán	Văn	Sử	Lý		Hóa									Văn	Văn			Địa				Sinh														
PHT	110							111	112																																PHT	416	417	412	414	211	419	111	112	114
PHT																																									PHT	410	411	413	418	219	110	413	315	201
PHT																																																	
	Văn	Toán	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Sử	Văn	Lý	Anh	Nhật	Pháp	Đức	Nga	Trung	Hàn	Văn	ToánTA	Địa	Tin	Văn	GDCD	Văn	Địa	Hóa	Sinh	Sử	Lý	Văn	Toán	Văn	Hóa	Địa	Sinh	Văn	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		
	Văn	Toán	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Lý	Văn	Sử	Anh	Nhật	Pháp	Đức	Nga	Trung	Hàn	Văn	GDCD	Tin	Địa	Văn	Toán	Văn	Hóa	Sử	Hóa	Văn	Sinh	Văn	Sinh	Sử	Địa	Lý	Địa	Toán	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		
S5	Hóa	Anh	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Văn	Lý	Sử	Anh	Nhật	Pháp	Đức	Nga	Trung	Hàn	ToánTA	Sinh	Hóa	Văn	Địa	Toán	Sinh	Hóa	GDCD	Văn	Tin	Địa	Toán	Lý	Văn	Sử	Toán	Toán	Toán	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		
	Sinh	Anh	Văn	Văn	Văn	Văn	Toán	Toán	Địa	Sử	Văn	Sinh	Lý		Sử	Toán	Toán	Văn	Văn	Lý		Hóa	Địa	Toán							Hóa	Văn		Toán	Toán	Địa	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		
	Hóa	Anh	Địa	Văn	Lý		Toán	Toán		Toán	Địa				Sinh	Toán	GDCD	Sử		Toán		Toán	Tin													410	411	412	413	414	418		
PHT		110	111	211	112	416				201	319		416	219	112	311																											
PHT						417							417		114																					Anh3	Anh4	Anh5	Anh 6	Anh9	Anh10	Anh13	Anh14
	Văn	Sinh	Sử	Hóa	Toán	Địa	VănA	Sử	GDCD	M.Hoa	Sinh	Văn	Địa	Văn	Lý	Lý	Toán	Lý	Văn	Hóa	Hóa	Tin	Văn	Toán	Văn	Toán	GDCD	Toán	Toán	Toán	Toán	Văn	Văn	Toán	Hóa	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh
	Lý	Sinh	Văn	Sử	Toán	Hóa	Tr.Lan	Địa	Địa	Thi	Toán	Văn	Sử	Sinh	Văn	Toán	Văn	Toán	Văn	GDCD	Lý	Toán	Lý	Toán	Văn	Tin	Hóa	Toán	GDCD	Toán	Toán	Văn	Văn	Lý	Toán	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh
S6	Địa	Văn	Sinh	Hóa	Văn	Sử	VănA	Sinh	Lý	M.Hoa	Toán	Sử	Văn	Văn	Toán	Văn	Toán	Toán	Hóa	Toán	Hóa	Toán	ToánTA	GDCD	Toán	Lý	Toán	Văn	Hóa	Tin	GDCD	Lý	Toán	Toán	Lý	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh
	Địa	Lý	Văn	Toán	Văn	Sinh	Hóa	Toán	Sinh	Văn	Sử	Địa	Văn	Văn	Toán	Sử	Lý		GDCD	Toán	ToánTA				Toán	GDCD		Văn			Tin	Hóa	Toán	Toán	Lý	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh
	Sinh	Hóa	Văn	Toán		Sử			Sinh	Toán	Địa		Sử	Hóa	Toán			ToánTA		Lý				Lý			Văn								410	411	412	413	414	418	419	319
PHT				110			111			112																									311	114	103-C1		416		101-C1
PHT																																			315	201			219		102C1
PHT																																			110	211			110		
	GDCD	Sử	Toán	Địa	Hóa	Văn	Toán	Sinh	Toán	Văn	GDCD	Toán	Văn	Sử	Văn	Địa																					219			201		
	Sử	GDCD	Toán	Địa	GDCD	Văn	Toán	Sử	Toán	Văn	Hóa	Toán	Văn	Toán	Văn	Địa																										
S7	Sử	Địa	GDCD	Văn	Sử	Toán	Toán	Văn	Văn	Sinh	Hóa	Toán	Toán	Toán	Địa	Văn																										
	Toán		Toán	Văn	Hóa	Địa	Văn	Toán	Toán	Sinh	Sử	Văn	Toán	Địa		Văn																										
						Toán		Địa		Sử		Địa		Sinh		Sử																										
Thứ																	11A1	11A2	11A3	11A4	11A5	11A6	11A7	11B1	11B2	11C1	11C2	11D1	11D2	11E.1	11E.2	11G1	11G2	11G3	11H	10A1	10A2	10A3	10A4	10A5	10A6	10A7	
																																				P202	P203	P204	P205	P206	P207	P208	
																	Anh1	Anh2	Anh5	Anh 6	Anh7	Anh8		H-Nh	Ng-Nh	Pháp	Pháp	Nhật	Nhật	Trung	Trung	Đức	Đức	Đức	Hàn	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	
																	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		Nhật	Nhật	Pháp	Pháp	Nhật	Nhật	Trung	Trung	Đức	Đức	Đức	Hàn	Sinh	Hóa	GDCD	Hóa	Văn	Lý	Lý	
																	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		Hàn	Nga	Pháp	Pháp	Nhật	Nhật	Trung	Trung	Đức	Đức	Đức	Hàn	Địa	Lý	Văn	Sinh	Toán	Toán	Lý	
C2																	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		Nhật	Nhật	Pháp	Pháp	Nhật	Nhật	Trung	Trung	Đức	Đức	Đức	Hàn	Hóa	Địa	Văn	GDCD	Toán	Văn	Toán	
																	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		Hàn	Nga	Pháp	Pháp	Nhật	Nhật	Trung	Trung	Đức	Đức	Đức	Hàn	Lý	Sinh	Hóa	Văn	Toán	Địa	Toán	
																								311	315	316	318	314	314	404	404	407	407	407	409	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	
PHT																	304	305	306	307	308	309		312	312	317	319	403	403	405	405	408	408	408	411								
																	Anh1	Anh2	Anh3	Anh4	Anh9	Anh10		313	313					406	406	416	416	416									
																																	417	417	417		Tin	ToánTA	Toán	Toán	Hóa	Sinh	Văn	
																	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh											418	418	418		ToánTA	Lý	Toán	Toán	Toán	Hóa	Văn	
C3																	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh															Văn	Văn	Tin	Văn	Lý	Toán	ToánTA	
																	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh															Văn	Toán	ToánTA	Lý	Văn	Toán	Tin	
																	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh															Văn	Toán	Văn					
PHT																	304	305	306	307	308	309																					
PHT																																											
																																			GDCD	Văn	Sinh	Văn	Toán	Văn	Sử	
																																			Toán	Toán	Văn	Toán	Sinh	Văn	Sinh	
C4																																			Tin	Sử	Văn	Văn	Toán	Văn	Toán	GDCD
																																			Lý							
																			Anh5	Anh6	Anh7	Anh8																					
																																			Sử	GDCD	Lý	Toán	Văn	Hóa	Hóa	
																			Anh	Anh	Anh	Anh		Nhật	Nhật	Pháp	Pháp	Nhật	Nhật	Trung	Trung	Đức	Đức	Đức	Hàn	Văn	Văn	Lý	Toán	ToánTA	Sử	Hóa	
																			Anh	Anh	Anh	Anh		Hàn	Nga	Pháp	Pháp	Nhật	Nhật	Trung	Trung	Đức	Đức	Đức	Hàn	Văn	Toán	Sử	Hóa	GDCD	GDCD	GDCD	
C5																			Anh	Anh	Anh	Anh		Nhật	Nhật	Pháp	Pháp	Nhật	Nhật	Trung	Trung	Đức	Đức	Đức	Hàn	Toán	Toán	Văn	Lý	Hóa	ToánTA	Văn	
																			Anh	Anh	Anh	Anh		Hàn	Nga	Pháp	Pháp	Nhật	Nhật	Trung	Trung	Đức	Đức	Đức	Hàn	Toán			Tin	Sử		Địa	GDCD	
																								306	307	308	309	311	315	316	318	314	314	404	404	407	407	407	409												
PHT																								Anh3	Anh4	Anh9	Anh10	312	312	317	319	403	403	405	405	408	408	408	411												
																												313	313					406	406	416	416	416												
																																			Lý	Sử	Hóa	Văn	Tin	Toán	Địa	
																			Anh	Anh	Anh	Anh														Toán	Tin	Địa	Văn	Lý	Toán	Văn	
C6																			Anh	Anh	Anh	Anh														Toán	Văn	Toán	Tin	Văn	Văn	Toán	
																			Anh	Anh	Anh	Anh														Hóa	Văn	Toán	Địa	Văn	Văn	Toán	
																			Anh	Anh	Anh	Anh															Hóa	Toán	Sử	Địa	Văn	Tin	Toán	
PHT																			306	307	308	309																					

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019- 2020 (Áp dụng từ 19-8-2019) -(SÁNG+CHIỀU)

Lớp	12A	12B	12C	12D	12E	12G	12H	12I	12K	12M	12N	12P	12Q	12S	12T	12V
PHC	P202	P203	P204	P205	P206	P207	P208	P209	P210	P212	P213	P214	P216	P217	P218	P303
Thứ	Anh	Anh	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Anh	Anh	Anh	Anh	Nhật	P-Đ-Tr	Đức	Nga	Trung	Hàn
S2	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt
	Anh	Toán	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Anh	Anh	Văn	Lý	Nhật	Pháp	Đức	Nga	Trung	Hàn
	Anh	Toán	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Anh	Anh	Văn	Lý	Nhật	Đức	Đức	Nga	Trung	Hàn
	Anh	Toán	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Anh	Anh	Toán	Hóa	Nhật	Trung	Đức	Nga	Trung	Hàn
	Lý	Văn		Sinh	Địa	Lý	Văn		Toán		Toán	Toán	Hóa	Toán	Văn	
PHT	110			112	114	416	201	211			219	214	416	311		315
PHT					111	417							417			
S3	Toán	Văn	Hóa	Toán	Toán	Văn	Sinh	GDCD	Anh	Toán	Văn	Toán	Lý	Địa	Sinh	GDCD
	Toán	Văn	Sử	Toán	Toán	Văn	Hóa	Hóa	Anh	Toán	Văn	Hóa	Địa	Lý	Lý	Sinh
	Toán	Anh	Văn	Toán	Toán	Sinh	GDCD	Lý	Anh	Toán	Lý	Lý	Sinh	Văn	GDCD	Hóa
	Văn	Anh	Lý	Lý	Văn	Hóa	Văn	Toán	Hóa	GDCD	Toán	Sinh	GDCD	Toán	Toán	Toán
	Văn	Anh	Sinh		Văn		Văn	Hóa	Hóa	Địa	Toán	GDCD	Hóa	Toán	Toán	Toán
PHT		110							111							
S4	Anh	Văn	Hóa	Sử	Sử	Toán	Lý	Anh	Anh	Văn	Sinh	Lý	Văn	Hóa	Địa	Sinh
	Anh	Lý	Địa	GDCD	Địa	Toán	Sinh	Anh	Anh	Văn	Lý	Văn	Sinh	Lý	Văn	Hóa
	Anh	Hóa	Lý	Lý	Sinh	Toán	Địa	Anh	Anh	Địa	Văn	Văn	Toán	Sử	Hóa	Văn
	Toán	Sử	Toán	Văn	Sinh	Lý	Địa	Văn	Văn	Hóa	Văn	Sử	Toán	GDCD	Hóa	Văn
		Địa	Toán	Sinh	Lý	GDCD	Sử	Văn	Văn			Hóa	Toán	Văn	Sử	Lý
PHT	110							111	112							
PHT																
PHT																
S5	Văn	Toán	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Sử	Văn	Lý	Anh	Nhật	Pháp	Đức	Nga	Trung	Hàn
	Văn	Toán	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Lý	Văn	Sử	Anh	Nhật	Pháp	Đức	Nga	Trung	Hàn
	Hóa	Anh	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Văn	Lý	Sử	Anh	Nhật	Pháp	Đức	Nga	Trung	Hàn
	Sinh	Anh	Văn	Văn	Văn	Văn	Toán	Toán	Địa	Sử	Văn	Sinh	Lý		Sử	Toán
	Hóa	Anh	Địa	Văn	Lý		Toán	Toán		Toán	Địa				Sinh	Toán
PHT		110	111	211	112	416				201	319		416	219	112	311
PHT						417							417		114	
S6	Văn	Sinh	Sử	Hóa	Toán	Địa	VânA	Sử	GDCD	M.Hoa	Sinh	Văn	Địa	Văn	Lý	Lý
	Lý	Sinh	Văn	Sử	Toán	Hóa	Tr.Lan	Địa	Địa	Thi	Toán	Văn	Sử	Sinh	Văn	Toán
	Địa	Văn	Sinh	Hóa	Văn	Sử	VânA	Sinh	Lý	M.Hoa	Toán	Sử	Văn	Văn	Toán	Văn
	Địa	Lý	Văn	Toán	Văn	Sinh	Hóa	Toán	Sinh	Văn	Sử	Địa	Văn	Văn	Toán	Sử
	Sinh	Hóa	Văn	Toán		Sử			Sinh	Toán	Địa		Sử	Hóa	Toán	
PHT				110			111			112						
PHT																
S7	GDCD	Sử	Toán	Địa	Hóa	Văn	Toán	Sinh	Toán	Văn	GDCD	Toán	Văn	Sử	Văn	Địa
	Sử	GDCD	Toán	Địa	GDCD	Văn	Toán	Sử	Toán	Văn	Hóa	Toán	Văn	Toán	Văn	Địa
	Sử	Địa	GDCD	Văn	Sử	Toán	Toán	Văn	Văn	Sinh	Hóa	Toán	Toán	Toán	Địa	Văn
	Toán		Toán	Văn	Hóa	Địa	Văn	Toán	Toán	Sinh	Sử	Văn	Toán	Địa		Văn
						Toán		Địa		Sử		Địa		Sinh		Sử
Lớp																
Thứ																
C2																
PHT																
C3																
PHT																
PHT																
C4																
C5																
PHT																
PHT																
C6																
PHT																

Lớp	11A1	11A2	11A3	11A4	11A5	11A6	11A7	11B1	11B2	11C1	11C2	11D1	11D2	11E.1	11E.2	11G1	11G2	11G3	11H
PHC	P304	P305	P306	P307	P308	P309	P312	P313	P314	P316	P317	P318	P403	P404	P405	P406	P407	P408	P409
Thứ	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	H-Nh	Ng-Nh	Pháp	Pháp	Nhật	Nhật	Trung	Trung	Đức	Đức	Đức	Hàn
S2	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt
	Địa	Văn	Văn	Văn	Sinh	Văn	Hóa	Toán	Văn	Văn	Toán	Lý	Toán	Văn	Hóa	Toán	Sinh	Tin	Sử
	Sinh	Văn	Toán	Văn	Sử	Văn	Toán	Toán	Văn	Văn	Văn	Toán	Toán	Văn	Toán	Sinh	Hóa	Văn	Tin
	Văn	Địa	Toán	Toán	Văn	Văn	Toán	Sinh	Toán	Sử	Văn	Toán	Toán	Lý	Sinh	Lý	Tin	Văn	Hóa
	Văn			Toán	Văn				Văn		Sinh	Toán	Văn		Toán	Tin	Hóa	Sử	
PHT																			
PHT																			
S3	Lý	Toán	Văn	ToánTA	Toán	Sử	Văn	Lý	Hóa	Địa	Lý	Tin	Văn	Sử	Văn	Văn	Văn	Hóa	GDCD
	Tin	Toán	Sinh	Lý	Toán	Lý	Văn	Văn	Địa	Hóa	Toán	Sử	Văn	Toán	Lý	Văn	Văn	GDCD	Văn
	Sử	Văn	Lý	Hóa	Văn	ToánTA	Hóa	Văn	Tin	Toán	Toán	Hóa	Sử	Văn	Lý	Toán	GDCD	Văn	Văn
		Văn	Lý		Toán	Sinh	Sử	Tin	Lý	Toán	Văn		Hóa	Toán		Văn	Sử	Văn	
			Sử			Hóa	Lý	Văn					Sinh						
PHT																			
S4	Hóa	Hóa	Toán	Văn	GDCD	Địa	Toán	Lý	Toán	Toán	Địa	Văn	Tin	Văn	Văn	Toán	Lý	Văn	Toán
	Hóa	Lý	Toán	Văn	Tin	Văn	Toán	Sử	Toán	Toán	Lý	Văn	Địa	Văn	Hóa	GDCD	Toán	Hóa	Toán
	Toán	Tin	Toán	Sử	Toán	Văn	Toán	Văn	Sinh	Lý	Hóa	Hóa	Lý	GDCD	Địa	Toán	Văn	Lý	Văn
	Toán	Toán		Sinh	Toán	Lý	GDCD	Văn		Văn	Toán	GDCD	Lý	Hóa	Toán	Toán			Văn
		Hóa								Văn	Văn			Địa					Sinh
PHT																			
PHT																			
PHT																			
S5	Văn	ToánTA	Địa	Tin	Văn	GDCD	Văn	Địa	Hóa	Sinh	Sử	Lý	Văn	Toán	Văn	Hóa	Địa	Sinh	Văn
	Văn	GDCD	Tin	Địa	Văn	Toán	Văn	Hóa	Sử	Hóa	Văn	Sinh	Văn	Sinh	Sử	Địa	Lý	Địa	Toán
	ToánTA	Sinh	Hóa	Văn	Địa	Toán	Sinh	Hóa	GDCD	Văn	Tin	Địa	Toán	Lý	Văn	Sử	Toán	Toán	Toán
	Toán	Văn	Văn	Lý		Hóa	Địa	Toán						Hóa	Văn		Toán	Toán	Địa
	GDCD	Sử		Toán		Toán	Tin												
PHT																			
PHT																			
S6	Toán	Lý	Văn	Hóa	Hóa	Tin	Văn	Toán	Văn	Toán	GDCD	Toán	Toán	Toán	Toán	Văn	Văn	Toán	Hóa
	Văn	Toán	Văn	GDCD	Lý	Toán	Lý	Toán	Văn	Tin	Hóa	Toán	GDCD	Toán	Toán	Văn	Văn	Lý	Toán
	Toán	Toán	Hóa	Toán	Hóa	Toán	ToánTA	GDCD	Toán	Lý	Toán	Văn	Hóa	Tin	GDCD	Lý	Toán	Toán	Lý
	Lý		GDCD	Toán	ToánTA				Toán	GDCD		Văn			Tin	Hóa	Toán	Toán	Lý
			ToánTA		Lý				Lý			Văn							
PHT																			
PHT																			
S7																			
Lớp	11A1	11A2	11A3	11A4	11A5	11A6	11A7	11B1	11B2	11C1	11C2	11D1	11D2	11E.1	11E.2	11G1	11G2	11G3	11H
Thứ	Anh1	Anh2	Anh5	Anh 6	Anh7	Anh8		H-Nh	Ng-Nh	Pháp	Pháp	Nhật	Nhật	Trung	Trung	Đức	Đức	Đức	Hàn
C2	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		Nhật	Nhật	Pháp	Pháp	Nhật	Nhật	Trung	Trung	Đức	Đức	Đức	Hàn
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		Hàn	Nga	Pháp	Pháp	Nhật	Nhật	Trung	Trung	Đức	Đức	Đức	Hàn
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		Nhật	Nhật	Pháp	Pháp	Nhật	Nhật	Trung	Trung	Đức	Đức	Đức	Hàn
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		Hàn	Nga	Pháp	Pháp	Nhật	Nhật	Trung	Trung	Đức	Đức	Đức	Hàn
								311	315	316	318	314	314	404	404	407	407	407	409
PHT	304	305	306	307	308	309		312	312	317	319	403	403	405	405	408	408	408	411
	Anh1	Anh2	Anh3	Anh4	Anh9	Anh10		313	313					406	406	416	416	416	
C3																417	417	417	
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh										418	418	418	
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh													
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh													
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh													
PHT	304	305	306	307	308	309													
PHT																			
C4																			
			Anh5	Anh6	Anh7	Anh8													
C5																			
			Anh	Anh	Anh	Anh		Nhật	Nhật	Pháp	Pháp	Nhật	Nhật	Trung	Trung	Đức	Đức	Đức	Hàn
			Anh	Anh	Anh	Anh		Hàn	Nga	Pháp	Pháp	Nhật	Nhật	Trung	Trung	Đức	Đức	Đức	Hàn
			Anh	Anh	Anh	Anh		Nhật	Nhật	Pháp	Pháp	Nhật	Nhật	Trung	Trung	Đức	Đức	Đức	Hàn
			Anh	Anh	Anh	Anh		Hàn	Nga	Pháp	Pháp	Nhật	Nhật	Trung	Trung	Đức	Đức	Đức	Hàn
PHT			306	307	308	309		311	315	316	318	314	314	404	404	407	407	407	409
PHT			Anh3	Anh4	Anh9	Anh10		312	312	317	319	403	403	405	405	408	408	408	411
C6								313	313					406	406	416	416	416	
			Anh	Anh	Anh	Anh										417	417	417	
			Anh	Anh	Anh	Anh										418	418	418	
			Anh	Anh	Anh	Anh													
			Anh	Anh	Anh	Anh													
PHT			306	307	308	309													

Lớp	10A1	10A2	10A3	10A4	10A5	10A6	10A7										
PHC	P202	P203	P204	P205	P206	P207	P208										
Thứ	Anh7	Anh8	Anh9	Anh10	Anh11	Anh12	Anh13	Anh14									
S2	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh									
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh									
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh									
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh									
PHT	410	411	412	413	414	418	419	319	Ng-Đ	Nh-Đ	P-Tr	H-Tr	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Hàn
PHT	Anh1	Anh2	Anh3	Anh4	Anh5	Anh 6		PHT	10B1	10B2	10B3	10B4	10C	10D	10E	10G	10H
S3	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		416	Đức	Nhật	114			Nhật		Đức	315
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		112	Nga	Đức	416			Nhật		Đức	419
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		417	Đức	Đức	417			Nhật		Đức	416
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		112	Nga	Nhật	201			Nhật		Đức	417
	410	411	412	413	414	418								319			
PHT														311			
S4									Đức	Nhật	Pháp	Hàn	Pháp	Nhật	Ngọc	Đức	Hàn
									Nga	Đức	Trung	Trung	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Hàn
									Đức	Đức	Pháp	Hàn	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Hàn
									Nga	Nhật	Trung	Trung	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Hàn
PHT								PHT	416	417	412	414	211	419	111	112	114
PHT								PHT	410	411	413	418	219	110	413	315	201
PHT	Anh1	Anh2	Anh7	Anh8	Anh11	Anh12			10B1	10B2	10B3	10B4	10C	10D	10E	10G	10H
S5	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh											
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh											
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh											
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh											
	410	411	412	413	414	418											
PHT																	
PHT	Anh3	Anh4	Anh5	Anh 6	Anh9	Anh10	Anh13	Anh14	10B1	10B2	10B3	10B4	10C	10D	10E	10G	10H
S6	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh			Pháp	Hàn	Pháp		Ngọc		Hàn
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh			Trung	Trung	Pháp		Trung		Hàn
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh			Pháp	Hàn	Pháp		Trung		Hàn
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh			Trung	Trung	Pháp		Trung		Hàn
	410	411	412	413	414	418	419	319			311	114	103-C1		416		101-C1
PHT											315	201			219		102-C1
PHT											110	211			110		
S7												219			201		
Lớp	10A1	10A2	10A3	10A4	10A5	10A6	10A7		10B1	10B2	10B3	10B4	10C	10D	10E	10G	10H
	P202	P203	P204	P205	P206	P207	P208		209	210	212	213	214	216	217	218	303
Thứ	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		Ng-Đ	Nh-Đức	P-Tr	H-Tr	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Hàn
C2	Sinh	Hóa	GDCD	Hóa	Văn	Lý	Lý		Hóa	Địa	Lý	Sinh	Văn	GDCD	Toán	Địa	Văn
	Địa	Lý	Văn	Sinh	Toán	Toán	Lý		Hóa	GDCD	Địa	Hóa	Văn	Hóa	Toán	Văn	Văn
	Hóa	Địa	Văn	GDCD	Toán	Văn	Toán		Lý	Hóa	GDCD	Địa	Lý	Văn	Toán	Hóa	Sinh
	Lý	Sinh	Hóa	Văn	Toán	Địa	Toán		Lý	Văn	Văn	GDCD	Toán	Văn	Văn	Hóa	Địa
	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt		S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt
PHT																	
C3	Tin	ToánTA	Toán	Toán	Hóa	Sinh	Văn		Văn	Văn	Hóa	Văn	Sinh	Tin	Lý	Sử	Toán
	ToánTA	Lý	Toán	Toán	Toán	Hóa	Văn		Văn	Văn	Sinh	Văn	Tin	Sinh	Sử	Lý	Hóa
	Văn	Văn	Tin	Văn	Lý	Toán	ToánTA		Toán	Sinh	Hóa	Toán	Hóa	Toán	Hóa	Văn	Toán
	Văn	Toán	ToánTA	Lý	Văn	Toán	Tin			Toán		Toán	Toán	Sử	Sinh	Lý	Hóa
	Văn	Toán	Văn							Toán		Toán	Toán	Lý	Tin	Sinh	Sử
PHT																	
PHT																	
C4	GDCD	Văn	Sinh	Văn	Toán	Văn	Sử		Sinh	Toán	Lý	Văn	Văn	Hóa	Toán	Tin	Toán
	Toán	Toán	Văn	Toán	Sinh	Văn	Sinh		Tin	Sử	Văn	Văn	Toán	Văn	Toán	GDCD	Lý
C5	Sử	GDCD	Lý	Toán	Văn	Hóa	Hóa		GDCD	Tin	Văn	Văn	Địa	Toán	GDCD	Toán	Văn
	Văn	Văn	Lý	Toán	ToánTA	Sử	Hóa		Văn	Hóa	Tin	Toán	GDCD	Toán	Văn	Toán	Văn
	Văn	Toán	Sử	Hóa	GDCD	GDCD	GDCD		Văn	Toán	Văn	Toán	Hóa	Địa	Văn	Toán	Văn
	Toán	Toán	Văn	Lý	Hóa	ToánTA	Văn		Toán		Toán	Tin	Sử		Địa		GDCD
	Toán			ToánTA	Sử	Lý	Văn		Toán		Toán				Hóa		Tin
PHT																	
PHT																	
C6	Lý	Sử	Hóa	Văn	Tin	Toán	Địa		Toán	Văn	Văn	Lý	Văn	Toán	Văn	Toán	Toán
	Toán	Tin	Địa	Văn	Lý	Toán	Văn		Toán	Văn	Sử	Hóa	Toán	Toán	Văn	Toán	Lý
	Toán	Văn	Toán	Tin	Văn	Văn	Toán		Địa	Toán	Toán	Sử	Văn	Lý	Lý	Văn	Toán
	Hóa	Văn	Toán	Địa	Văn	Văn	Toán		Sử	Lý	Toán	Lý	Lý	Văn		Văn	
		Hóa	Toán	Sử	Địa	Tin	Toán		Văn	Lý	Toán			Văn		Văn	
PHT																	